TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH HƯNG YÊN** ---------- Số: 45/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- *M, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988

Địa chỉ: P, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên

* Bị đơn: Anh Vũ Minh V; sinh năm 1982

Địa chỉ: P, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Vũ Nguyễn Minh H, sinh ngày 13/12/2007

+ Cháu Vũ Nguyễn Hồng M, sinh ngày 20/11/2009

Đại diện theo pháp luật của cháu Minh H và cháu Hồng M:

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988

Đều có địa chỉ: P, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Minh V.

2/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Minh V thống nhất thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Minh V xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Nguyễn Minh H, sinh ngày 13/12/2007; cháu Vũ Nguyễn Hồng M, sinh ngày 20/11/2009. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu Hồng M và cháu Minh H cho chị H nuôi dưỡng đến khi cháu Minh H và cháu Hồng M thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Minh V đều thỏa thuận thống nhất anh V cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Hồng M và Minh H cho chị H là 1.000.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2019 cho đến khi cháu Hồng M và cháu Minh H thành niên.

Vì lợi ích của con chung, chị H, anh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh V có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

*** Về tài sản, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức**: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Minh V đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 013448 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Trả lại chị H150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Vũ Minh V chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, nếu anh V không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: ***Thẩm phán***

- *Đương sự.*
- *VKSND huyện M*
- *Chi cục T.H.A DS huyện M.*
- *UBND thị trấn B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Trần Văn Thưởng